

Bản án số:104/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thùy

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 -Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Kim Quang P– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Bùi Tú T, sinh năm 1982 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: số A, khu S, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1981 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Người làm chứng:** Bà Quách P, sinh năm 1945“vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: Số P, khu L, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/4/2025 và bản tự khai cùng ngày, nguyên đơn chị Bùi Tú T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng E xây dựng hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện O, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/3/2017. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau không hạnh phúc vì vợ chồng cảm thấy không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Do có mâu thuẫn với nhau nên anh Hoàng E bỏ nhà đi và sinh sống tại ấp R, xã I ở, vợ chồng không còn sống chung với nhau và đã ly thân từ khoảng hơn 02 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống

không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Bùi Ngân K, sinh ngày 27/11/2018, hiện con đang sống với chị T, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng E cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn Nguyễn Hoàng E không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, người làm chứng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát Khu vực 4 phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Tú T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Tú T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bùi Ngân K, sinh ngày 27/11/2018 cho chị Bùi Tú T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng E không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Tú T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Tú T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E, có địa chỉ ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2.] Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Bùi Tú T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng E được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh Hoàng E vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Tú T và anh Nguyễn Hoàng E kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận kết hôn số: 10 ngày 08/3/2017 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Bùi Tú T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, sống không hợp nhau. Hiện tại chị Tú T xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E. Xét lời trình bày của nguyên đơn cũng phù hợp với lời khai từ người làm chứng mà Tòa án thu thập được. Sự việc tranh chấp chị Bùi Tú T không muốn hòa giải cùng với anh Hoàng E và xin vắng mặt. Từ đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Tú T là phù hợp quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bùi Ngân K, sinh ngày 27/11/2018, hiện con đang sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi. Xét thấy con chung từ khi vợ chồng không còn sống chung thì con ở với chị T cuộc sống cũng đảm bảo, anh Nguyễn Hoàng E cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con, nên chấp nhận giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Hoàng E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Tú T và anh Nguyễn Hoàng E không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Tú T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Tú T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Tú T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bùi Ngân K, sinh ngày 27/11/2018 cho chị Bùi Tú T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng E không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Tú T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Bùi Tú T đã nộp theo biên lai thu số 0012155 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- UBND xã Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- Giấy CNKH số 10 ngày 08/3/2017
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hoàng Phong